

**HỒ SƠ NHIỆM VỤ KỸ THUẬT
VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN**

**DỰ ÁN: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN TUYẾN PHỐ LÂM DU TRÊN ĐỊA BÀN
PHƯỜNG BỒ ĐỀ NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

Người lập: Ngô Mạnh Hải – Chuyên viên tổ QLĐT 

Kiểm tra: Hoàng Văn Luận - Tổ Trưởng Tổ QLĐT ./.

Nơi nhận:

- BGĐ;
- KHVT, TCKT;
- QLDT (04 bản giấy để t/h);
- Lưu: VT, KTAT.

GIÁM ĐỐC BAN

**PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Nguyễn Văn Thành**

GIỚI THIỆU NỘI DUNG BIÊN CHẾ HỒ SƠ

Hồ sơ Nhiệm vụ kỹ thuật và Dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án: “Cải tạo lưới điện tuyến phố Lâm Du trên địa bàn phường Bồ Đề năm 2026 thuộc kế hoạch BCD 197 UBND TP Hà Nội” được biên chế như sau:

PHẦN I. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN

III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN

IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

PHẦN II. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT

II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

PHẦN I: QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Luật điện lực số 61/2024/QH15 ban hành ngày 30/11/2024;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Văn bản số 333/CP-CN ngày 13/07/2023 của Chính phủ, về việc đính chính Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính Phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội;

Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng, về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng, về việc ban hành định mức xây dựng;

Thông tư 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ Xây dựng, về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2024/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Thông tư 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Thông tư 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Thông tư 08/2025/TT-BXD ngày 30/05/2025 của Bộ Xây dựng, về việc sửa đổi, bổ sung

một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035”;

Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/07/2021 của EVN về việc ban hành Quy trình An toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ văn bản 7734/EVNHA NOI-QLDTU ngày 8/11/2022 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về hướng dẫn tạm thời quy trình thẩm tra, trình duyệt Nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán công tác lập quy hoạch, BCNCKT, BCKTKT trong Tổng công ty;

Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Đề án: “Chuẩn hóa lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”;

Quyết định số 4892/QĐ-EVNHA NOI ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định trình tự thực hiện công tác thẩm định các dự án Đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Quyết định số 4893/QĐ-EVNHA NOI ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy trình xây dựng đơn giá trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Quyết định số 8848/QĐ-EVNHA NOI ngày 10/9/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành “Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”;

Quyết định số 10699/QĐ-EVNHA NOI ngày 05/11/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”;

Quyết định số 571/QĐ-EVNHA NOI ngày 20/01/2026 về việc Sửa đổi lần 2 “Đề án định hướng Công tác Quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn đến 2030 (sửa đổi lần 1)”;

Quyết định số 1651/QĐ-EVNHA NOI ngày 23/02/2026 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm (BCĐ 197 giai đoạn 2).

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN

- Giảm nguy cơ vi phạm hành lang an toàn lưới điện, nguy cơ cháy nổ, giảm suất sự cố đồng thời để đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Đảm bảo tính ổn định, cung cấp điện an toàn liên tục.
- Giảm tổn thất điện năng.
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh bán điện.

III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN

III.1. Khối lượng thiết bị, vật tư chính dự kiến của dự án

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Chủng loại quy cách
A	Thiết bị			
1	Tủ Pillar 600V-400A	Tủ	51	600V-400A (1x400A+2x250A)
2	Tủ tổng hạ áp 1000A-có khoang chứa tủ RMU kèm chụp cực MBA và máng cáp trung hạ thế, trụ đỡ MBA 630kVA, kèm tủ tụ bù -trong nhà, có điều khiển	Trụ	01	600V-1000A (1000A+5x250A) TT Outdoor
3	Tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+1CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA	Tủ	01	U _{max} ≥24kV; I _{dm} thanh cái: 630A; I _k /t _k ≥16kA/1s
B	Vật liệu chính			
1	Cáp hạ áp-Al-4x240mm ² -giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE	mét	3528	0,6/1(1,2)kV- Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x240mm ²
2	Cáp hạ áp-Cu-2x16mm ² - giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE	mét	6127	0,6/1(1,2)kV- Cu/XLPE/PVC-2x16mm ²
3	Cáp hạ áp-Cu-4x25mm ² - giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE	mét	1327	0,6/1(1,2)kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x25mm ²

IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

1. Cơ sở lập khái toán chi phí đầu tư

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

- Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn bản số 02.04/2025/CBGVL-SXD ngày 15/12/2025 của Sở Xây dựng Hà Nội công bố giá một số vật liệu xây dựng quý IV năm 2025;
- Quyết định số 3461/QĐ-SXD ngày 22/12/2025 của Sở xây dựng Hà Nội về việc công bố giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hà Nội;
- Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022;
- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;
- Thông báo số 3888/TB-EVNHANOI ngày 07/05/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc xin giá vật tư thiết bị từ các nguồn thông tin giá;
- Giá vật tư thiết bị tham khảo theo Hợp đồng mua sắm tương tự, Báo giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị tại thời điểm lập dự toán;
- Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên.

2. Nguyên tắc xác định khái toán

Lập khái toán chi phí đầu tư xây dựng dự án trên cơ sở vận dụng phương pháp xác định sơ bộ TMDT theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và phương pháp hướng dẫn tại mục I Phụ lục I.TT11/2021/TT-BXD. Cụ thể:

- + Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng là ước tính chi phí đầu tư xây dựng của dự án gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng.
- + Sơ bộ chi phí xây dựng và chi phí thiết bị được ước tính trên cơ sở quy mô, công suất hoặc năng lực phục vụ theo phương án thiết kế sơ bộ của dự án và suất vốn đầu tư số 50/QĐ-EVN ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV.
- + Đối với một số VTTB không có trong suất vốn đầu tư sử dụng cơ sở giá vật tư thiết bị đã được phê duyệt tại các công trình đầu tư xây dựng có tính chất tương tự.
- + Việc xác định chi phí xây dựng và thiết bị trong khái toán chi phí đầu tư của dự án như trên để phục vụ cho công tác xác định các khoản mục chi phí tính theo tỷ lệ % của chi phí xây dựng và thiết bị. Các chi phí tư vấn và các chi phí khác: được xác định và tính toán theo Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội

dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng.

3. Khái toán chi phí đầu tư: 18.200.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tám tỷ, hai trăm triệu đồng.

(Chi tiết phụ kèm theo)

PHẦN II: NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT

1. Cơ sở lập nhiệm vụ kỹ thuật

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;
- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;
- Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 10/12/2025 của UBND Thành phố về “Giải quyết các điểm nghẽn về “Trật tự đô thị” và xây dựng các xã, phường bảo đảm trật tự, kỷ cương, văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội”, và văn bản số 11/BCĐ197 - CAHN ngày 17/12/2025 của Ban Chỉ đạo 197 Thành phố về việc đơn đốc triển khai Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 10/12/2025 của UBND Thành phố.
- Quyết định số 1651/QĐ-EVNHA NOI ngày 23/02/2026 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm (BCĐ 197 giai đoạn 2).

2. Nội dung của nhiệm vụ kỹ thuật

2.1. Dự án:

Cải tạo lưới điện tuyến phố Lâm Du trên địa bàn phường Bồ Đề năm 2026 thuộc kế hoạch BCĐ 197 UBND TP Hà Nội

2.1. Quy mô công suất:

- Tủ pillar 600V-400A: 51 tủ
- Tủ tổng hạ áp 1000A-có khoang chứa tủ RMU kèm chụp cực MBA và máng cáp trung hạ thế, trụ đỡ MBA 630kVA, kèm tủ tụ bù -trong nhà, có điều khiển: 01 trụ
- Tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+1CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA: 01 tủ
- Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE: 3528 mét
- Cáp hạ áp-Cu-2x16mm²- giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE: 5436 mét
- Cáp hạ áp-Cu-4x25mm²- giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE: 1327 mét

2.2. Giải pháp công nghệ chính

Căn cứ chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 197 Thành phố về trật tự, văn minh đô thị (theo Kế hoạch 06/KH-BCDD197 ngày 11/11/2025). Để đảm bảo mỹ quan đô thị cần thiết phải cải tạo các trạm biến áp thành trạm biến áp kiểu thân trụ thép hợp bộ trung, hạ áp và hạ ngầm đường dây không các tuyến phố chính.

2.2.1. Hạ ngầm tuyến ĐDK hạ áp phố Lâm Du

2.2.1.1. Hiện trạng

- Hiện nay các hộ dân trên phố Lâm Du đang được cấp điện từ sau các TBA: Bồ Đề 7, Bồ Đề 6, Bồ Đề 19, Bồ Đề 8, Bồ Đề 3, Bồ Đề 13.

- Lưới điện hạ áp hiện trạng của các trạm biến áp trên đều có hệ thống cáp vặn xoắn ABC 4x120mm², ABC 4x95mm²... lắp đặt trên đầu cột (H8,5, LT8,5...), được cố định bằng các néo cáp, móc treo cáp, công tơ dọc tuyến phố. Trên các cột hạ thế treo 1 số chủng loại hòm công tơ (H4, H2, H1, F8), dây sau công tơ từ các cột đi nhiều hướng về các hộ sử dụng điện và trong ngõ của các nhà gây mất mỹ quan đô thị.

2.2.1.2 Phương án cải tạo:

1. TBA Bờ Đề 7

- Lắp đặt mới 7 Tủ pillar 600V-400A
- Kéo mới 835 mét Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE làm cáp đường trục.
- Kéo mới 702 mét Cáp hạ áp-Cu-2x16mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha).
- Kéo mới 306 mét Cáp hạ áp-Cu-4x25mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha).
- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

2. TBA Bờ Đề 6

- Lắp đặt mới 13 Tủ pillar 600V-400A
- Kéo mới 857 mét Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE làm cáp đường trục.
- Kéo mới 1602 mét Cáp hạ áp-Cu-2x16mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha).
- Kéo mới 234 mét Cáp hạ áp-Cu-4x25mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha).
- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

3. TBA Bờ Đề 19

- Lắp đặt mới 9 Tủ pillar 600V-400A
- Kéo mới 655 mét Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE làm cáp đường trục.
- Kéo mới 918 mét Cáp hạ áp-Cu-2x16mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha).
- Kéo mới 324 mét Cáp hạ áp-Cu-4x25mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha).
- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

4. TBA Bờ Đề 8

- Lắp đặt mới 10 Tủ pillar 600V-400A
- Kéo mới 539 mét Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE làm cáp đường trục.
- Kéo mới 1314 mét Cáp hạ áp-Cu-2x16mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha).
- Kéo mới 270 mét Cáp hạ áp-Cu-4x25mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha).

- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

5. TBA Bờ Đề 3

- Lắp đặt mới 4 Tủ pillar 600V-400A
- Kéo mới 320 mét Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE làm cáp đường trục.
- Kéo mới 846 mét Cáp hạ áp-Cu-2x16mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha).
- Kéo mới 90 mét Cáp hạ áp-Cu-4x25mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha).
- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

6. TBA Bờ Đề 13

- Lắp đặt mới 8 Tủ pillar 600V-400A
- Kéo mới 322 mét Cáp hạ áp-Al-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE làm cáp đường trục.
- Kéo mới 684 mét Cáp hạ áp-Cu-2x16mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha).
- Kéo mới 90 mét Cáp hạ áp-Cu-4x25mm² từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha).
- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

2.2.2. Cải tạo TBA Bờ Đề 6.

2.2.2.1. Hiện trạng

Trạm biến áp kiểu treo, được đặt Ngã 3 đường Lâm Du

- Năm đưa vào vận hành: 2009
- Năm đại tu, sửa chữa, nâng công suất gần nhất: không
- Công suất: 400kVA- 22/0.4kV
- Đang được cấp điện bởi lộ trung thế 470 E1.15
- Tình hình mang tải: I_{max} = 81% ngày 4/8/2025
- Số xuất tuyến hạ thế: 04 lộ cáp vắn xoắn hạ áp

2.2.2.2 Phương án cải tạo:

- + Cải tạo TBA treo thành TBA thân trụ thép có công suất tương đương được tích hợp MBA, tủ RMU, tủ hạ thế, tủ điều khiển tụ bù.
- + Tận dụng MBA dầu 3 pha 22/0,4kV-400kVA, cải tạo sứ cao thế thường thành sứ plug-in.
- + Lắp mới Tủ RMU 22kV kiểu Compact 3 ngăn (2CD+1CC)-không mở rộng được, 1 CC sang MBA, không kết nối SCADA;
- + Lắp mới Cáp ngầm 22kV-Cu-1x50mm²-Chống thấm nước; Màn chắn sợi đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE từ mặt MBA xuống tủ RMU với chiều dài khoảng 24m
- + Lắp mới 01 tủ tụ bù có điều khiển theo công suất MBA (dung lượng tụ và số cấp điều khiển sẽ được đơn vị tính toán ở giai đoạn thiết kế)

- + Lắp mới tủ tổng hạ áp-630A

2.3. Công tác khảo sát:

Cần tiến hành khảo sát tại vị trí đặt trạm trụ thép và các tuyến cáp ngầm hạ thế xây dựng mới. Cụ thể như sau:

TBA Bờ Đề 7

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ PL2-Bờ Đề 7 đến PL7-Bờ Đề 6, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 02 mặt cắt ngang; 02 vị trí khoan khảo sát.

- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

TBA Bờ Đề 6

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ PL7-Bờ Đề 6 đến PL4-Bờ Đề 19 và vị trí đặt móng TBA hợp bộ sau cải tạo, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 02 mặt cắt ngang; 02 vị trí khoan khảo sát.

- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

TBA Bờ Đề 19

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ PL4-Bờ Đề 19 đến PL5-Bờ Đề 8, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 02 mặt cắt ngang; 02 vị trí khoan khảo sát.

- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

TBA Bờ Đề 8

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ PL5-Bờ Đề 8 đến PL6-Bờ Đề 3, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 02 mặt cắt ngang; 02 vị trí khoan khảo sát.

- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

TBA Bờ Đề 3

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ PL6-Bờ Đề 3 đến PL6-Bờ Đề 13, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 01 vị trí khoan khảo sát.

- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

TBA Bờ Đề 13

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ PL6-Bờ Đề 13 đến TBA Bờ Đề 13, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 01 mặt cắt ngang; 01 vị trí khoan khảo sát.

- + Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
	A. KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH			
	I. Tuyến cáp ngầm 0.4-35kV			
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình IV	ha	1.140	
2	Số hóa bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m - loại khó khăn 3	ha	1.140	
3	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy). Cấp địa hình III	điểm	10.0	
4	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV	km	1.90	
5	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	19.0	
6	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	2.0	
7	Khoan thử công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III	m khoan	12.0	
8	Điều tra thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến	Công	1.0	
	B. KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT			
1	Khoan thử công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III	m khoan	6.0	
	* Thí nghiệm			
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	1.0	
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	1.0	
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo	1 chỉ tiêu	1.0	
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	1.0	
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	1.0	
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	1.0	
	* Đo điện trở suất			
9	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng. Cấp địa hình III-IV	quan sát	1.0	
	C. KHẢO SÁT ĐIỀU TRA KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN			
1	Khảo sát, điều tra số liệu khí tượng thủy văn	1 chỉ tiêu	1.0	

3. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện dự án: **năm 2026**

4. Khái toán mức đầu tư: 18.200.000.000 đồng

(Mười tám tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng chẵn)

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT 8%	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
1	Chi phí BT-HT-TĐC					GPMB
2	Chi phí xây dựng	Chi tiết phụ lục II	7.781.243.936	622.499.515	8.403.743.451	G ^{SB} X D
3	Chi phí thiết bị	Chi tiết phụ lục II	3.716.410.000	297.312.800	4.013.722.800	G ^{SB} TB
4	Chi phí quản lý dự án	Chi tiết phụ lục III	319.726.761		319.726.761	G ^{SB} QL DA
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Chi tiết phụ lục IV	632.740.441	50.619.235	683.359.676	G ^{SB} TV
6	Chi phí khác	Tạm tính	3.622.945.042	289.835.603	3.912.780.645	G ^{SB} K
7	Chi phí dự phòng	5%*(2+3+4+5+6)	803.653.309	63.013.358	866.666.667	G ^{SB} DP
	Tổng cộng (1+...+7)	(1+2+3+4+5+6+7)	16.876.719.489	1.323.280.511	18.200.000.000	V_{SB}

II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

1. Cơ sở lập dự toán

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công..
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng.
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.
- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 3461/QĐ-SXD ngày 22/12/2025 của Sở xây dựng Hà Nội về việc công bố giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hà Nội.

- Văn bản số 02.04/2025/CBGVL-SXD ngày 15/12/2025 của Sở Xây dựng Hà Nội công bố giá một số vật liệu xây dựng quý IV năm 2025.

- Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022.

- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối.

- Hợp đồng mua sắm tương tự và Báo giá của các đơn vị cung cấp;

- Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên.

2. Thành phần chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án

- Chi phí tư vấn khảo sát lập BCKTKT.

- Chi phí tư vấn lập BCKTKT.

3. Xác định dự toán chi phí giai đoạn CBDA

Dự toán chi phí giai đoạn CBDA được xác định trên cơ sở khái toán chi phí đầu tư của dự án và thành phần chi phí giai đoạn CBDA nêu trên.

4. Giá trị dự toán chi phí giai đoạn CBDA: 717.527.659 đồng

Bằng chữ: Bảy trăm mười bảy triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng.

(Chi tiết phụ lục kèm theo)